TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST-DS	*Bố Trạch, ngày 16 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST - DS ngày 22 tháng 11 năm 2022,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Bị đơn:* ông Trần Quang P, sinh năm 1960; nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Đoàn Thị Mai H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ Bà Trần Thị V, sinh năm 1962; nơi cư trú: tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mai H:* ông Ngô Tấn L, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Thửa đất số 404, tờ bản đồ 45, diện tích 777,8m^2 tại tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn H và bà Đoàn Thị Mai H có vị trí, kích thước và ranh giới cụ thể:

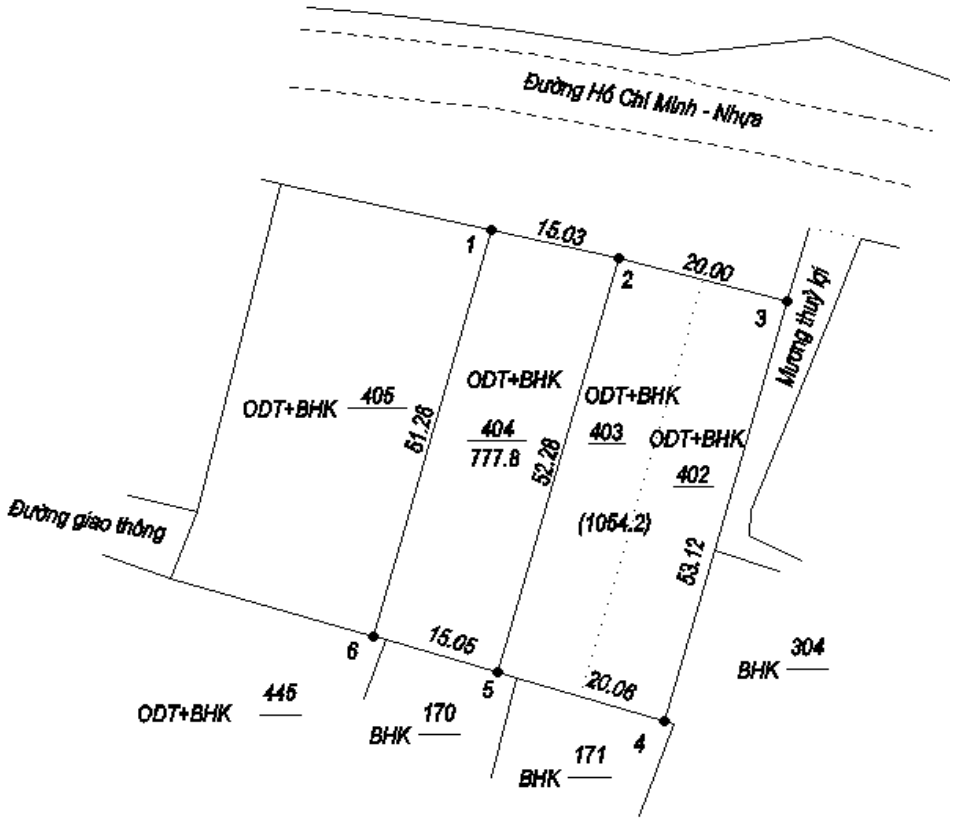
+ Phía Bắc: Ranh giới được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2; điểm 1-2 là cọc gỗ, đánh dấu sơn; giáp với đất giao thông; có kích thước 15,03m.

+ Phía Nam: Ranh giới được xác định từ điểm số 5 đến điểm số 6; điểm 5 là trụ bê tông, đánh dấu sơn, điểm 6 là cọc gỗ, đánh dấu sơn; giáp thửa đất số 170 và thửa đất số 445; có kích thước 15,05m.

+ Phía Đông: Ranh giới được xác định từ điểm số 2 đến điểm số 5; điểm 2 là cọc gỗ, đánh dấu sơn, điểm 5 là trụ bê tông, đánh dấu sơn; giáp thửa đất số 403; có kích thước 52,28m.

+ Phía Tây: Ranh giới được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 6; điểm 1-6 là cọc gỗ, đánh dấu sơn; giáp thửa đất số 405; có kích thước 51,26m.

Sơ đồ hiện trạng thửa đất như sau:



- *Về chi phí tố tụng*: Ông Trần Quang P và bà Trần Thị V thoả thuận chịu các chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng). Ông Trần Quang P và bà Trần Thị V đã nộp số tiền 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm nghìn đồng), do đó, ông Trần Quang P và bà Trần Thị V phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng trước đây.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí vụ kiện*: ông Nguyễn Văn H thỏa thuận chịu trách nhiệm nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Hùng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002655 ngày 22 tháng 11 năm 2022. Ông Nguyễn Văn H được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
-

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu